

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LAI VUNG  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-02-2022  
“Tranh chấp về hôn nhân và gia  
đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phụng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Chí Công;

2. Bà Quang Kim Cúc.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Anh Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 5 năm 2021, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự;

**- Nguyên đơn:** Phan Thị Mai H, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 63, ấp Tân L, xã Tân Quy T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

**- Bị đơn:** Nguyễn Văn T, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Long H, huyện Lai V, Đồng Tháp.

( Bà H có mặt; ông T vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Phan Thị Mai H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998. Do không am hiểu pháp luật nên bà H và ông T không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà H và ông T chung sống hạnh phúc. Đến năm 2003, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu,

không quan tâm vợ, đập phá đồ đạc trong nhà. Sau khi uống rượu vào, ông T kiểm chuyện gây gổ, dùng những lời lẽ đe dọa xúc phạm gia đình bà H, ông T nhiều lần đánh bà H và chị ruột bà H nên Công an xã Tân Quy Tây, thành phố Sa Đéc mời làm việc. Do cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn nên tháng 10/2019, ông T đã về nhà riêng tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung sống cho đến nay. Nay bà H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Bà H và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Bị đơn Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Phan Thị Mai H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn T, do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Nguyễn Văn T có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Văn T để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án đến lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1998. Do không am hiểu pháp luật

mà bà H và ông T không đăng ký kết hôn nên theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình thì quan hệ giữa bà H và ông T không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ và chồng. Sau thời gian chung sống với nhau thì giữa hai người có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm bà H, dùng những lời lẽ đe dọa xúc phạm gia đình bà H. Tháng 10/2019, ông T đã về nhà riêng tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung sống cho đến nay. Bà H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc chung sống và thời gian chung sống giữa bà H và ông T là đúng thực tế, nay có bên yêu cầu ly hôn nên căn cứ các Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố bà Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Văn T không phải là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà Phan Thị Mai H xác định khoảng thời chung sống như vợ chồng giữa bà H với ông T không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà Phan Thị Mai H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Phan Thị Mai H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Phan Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, 14, 15 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phan Thị Mai H và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Phan Thị Mai H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị Mai H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị Mai H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí và tạm ứng án phí: Bà Phan Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014608 ngày 16/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. (bà H đã nộp xong).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/02/2022). Đối với bị đơn không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phụng**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào lúc 15 giờ 30 phút, ngày 13/9/2019.

Tại phòng nghị án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Phát Triển.

Ông Đặng Văn Hai.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 222/2019/TLST-HNGĐ, ngày 25/6/2019 “V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy Trang, sinh năm 1993;

*Địa chỉ:* Số nhà 585B/5, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp;

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Khù, sinh năm 1992;

*Địa chỉ:* Số nhà 585B/5, ấp Hòa Định, xã Vĩnh Thới, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Nguyễn Thị Thùy Trang được ly hôn với Nguyễn Văn Khù.

2. Về con chung: Nguyễn Văn Khù được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Trần Phong, sinh ngày 24/11/2012.

Nguyễn Văn Khù cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở Nguyễn Thị Thùy Trang trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Nguyễn Thị Thùy Trang phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà Nguyễn Thị Thùy Trang đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001639, ngày 25/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị Thùy Trang đã nộp xong).

**Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.**

Nghị án kết thúc vào hồi 15 giờ 50 phút, ngày 13 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ      THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

1/

2/

**Nguyễn Trọng Hiếu**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- UBND xã Phong Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Út**